

ĐỊNH HƯỚNG CHUẨN HÓA BÁO CÁO BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM THEO CHUẨN MỤC QUỐC TẾ

● NGÔ THÀNH NAM

Khoa Kế toán - Tài chính, Trường Đại học Điện lực

TÓM TẮT:

Báo cáo phát triển bền vững là yêu cầu chiến lược đối với doanh nghiệp Việt Nam khi hội nhập. Nghiên cứu này đánh giá sự khác biệt giữa khung pháp lý hiện hành và chuẩn mực quốc tế (Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu [Global Reporting Initiative - GRI], Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế [International Financial Reporting Standards - IFRS] S1 & S2). Sử dụng nghiên cứu tài liệu, đối chiếu ma trận cùng Lý thuyết Thể chế và Tính chính đáng, bài báo nhận diện 3 điểm nghẽn: (1) chênh lệch triết lý trọng yếu; (2) thiếu hụt định lượng phát thải chuỗi giá trị (Scope 3); và (3) chưa có cơ chế xác thực độc lập. Qua đó, nghiên cứu đề xuất lộ trình bổ sung, hoàn thiện quy định, hướng dẫn đo lường và xây dựng cơ chế xác thực (Assurance) báo cáo bền vững nhằm ngăn chặn "tẩy xanh", nâng cao năng lực cạnh tranh và thu hút vốn đầu tư.

Từ khóa: Báo cáo phát triển bền vững, công bố thông tin, môi trường, xã hội và quản trị, ESG, GRI, IFRS, hoàn thiện hệ thống pháp lý.

1. Đặt vấn đề

Trong kỷ nguyên biến đổi khí hậu, báo cáo phát triển bền vững (Sustainability reporting) đã chuyển từ hoạt động tự nguyện thành yêu cầu chiến lược quan trọng. Các bên liên quan không còn hài lòng với các báo cáo tài chính truyền thống; thay vào đó, họ đòi hỏi sự minh bạch về khả năng thích ứng, quản trị rủi ro và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với tương lai. Tại Việt Nam, áp lực hội nhập qua các hiệp định như Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (European-Vietnam Free Trade Agreement - EVFTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (Comprehensive and

Progressive Agreement for Trans-Pacific Partnership - CPTPP) và sự dịch chuyển dòng vốn quốc tế đòi hỏi các doanh nghiệp phải minh bạch cao về ESG.

Sự ra đời của các chuẩn mực quốc tế như GRI (2021), chuẩn mực IFRS S1 và S2 của Hội đồng Chuẩn mực Bền vững Quốc tế (International Sustainability Standards Board - ISSB), cùng các đạo luật xuyên biên giới như Chỉ thị Báo cáo Phát triển Bền vững Doanh nghiệp (Corporate Sustainability Reporting Directive - CSRD) (European Commission, 2022) và Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (Carbon Border Adjustment Mechanism - CBAM) (European Parliament and Council, 2023)

đang thiết lập quy luật mới. Doanh nghiệp trong nước sẽ đối mặt với nguy cơ bị loại khỏi chuỗi cung ứng toàn cầu và mất lợi thế huy động vốn nếu không đáp ứng các chuẩn mực này. Dù cơ quan có thẩm quyền đã ban hành và liên tục cập nhật khung pháp lý công bố thông tin (Thông tư số 96/2020/TT-BTC, sửa đổi bởi Thông tư số 68/2024 và 18/2025), thực tế vẫn bộc lộ nhiều điểm nghẽn. Các sửa đổi này chủ yếu tháo gỡ vướng mắc giao dịch tài chính, trong khi yêu cầu công bố ESG vẫn ở mức định tính cơ bản. Sự chênh lệch về định nghĩa trọng yếu, phạm vi báo cáo và mức độ xác thực so với thông lệ quốc tế tạo ra "khoảng cách minh bạch", làm giảm sức thuyết phục đối với đối tác nước ngoài.

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về báo cáo bền vững và chuẩn mực ESG trên thế giới, vẫn còn thiếu các nghiên cứu mang tính hệ thống đánh giá khoảng cách giữa khung pháp lý quốc gia và chuẩn mực quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh các nền kinh tế mới nổi như Việt Nam. Khoảng cách này làm hạn chế khả năng hiểu rõ mức độ sẵn sàng hội nhập và những rào cản thể chế mà doanh nghiệp phải đối mặt. Xuất phát từ bối cảnh đó, nghiên cứu này hệ thống hóa và đối chiếu khung pháp lý hiện hành tại Việt Nam với các chuẩn mực báo cáo bền vững quốc tế. Thông qua phân tích ma trận để nhận diện khoảng cách, bài báo đề xuất các định hướng cụ thể nhằm hoàn thiện khung pháp lý trong nước. Điều này giúp cộng đồng doanh nghiệp tháo gỡ rào cản tuân thủ, tự tin hội nhập và thu hút hiệu quả nguồn tài chính bền vững.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu này được xây dựng trên nền tảng của 3 lý thuyết bổ trợ lẫn nhau, nhằm giải thích động lực, áp lực và cách thức các doanh nghiệp thực hiện báo cáo bền vững.

Lý thuyết Tính chính đáng (Legitimacy Theory): Đây là lý thuyết được sử dụng phổ biến nhất để giải thích việc công bố thông tin môi trường và xã hội. Theo Suchman (1995), tính chính đáng là một nhận thức hoặc giả định chung các hoạt động của một thực thể là phù hợp và đúng đắn trong một hệ thống các tiêu chuẩn và giá trị xã hội. Trong bối cảnh bài báo, báo cáo bền vững không chỉ là công cụ cung cấp thông tin mà còn là phương tiện để doanh

nh nghiệp thể hiện tính chính đáng với xã hội. Khi doanh nghiệp tuân thủ các chuẩn mực quốc tế như GRI hay IFRS, họ đang nỗ lực thu hẹp "khoảng cách chính đáng" để nhận được sự ủng hộ từ cộng đồng và thị trường quốc tế.

Lý thuyết Các bên liên quan (Stakeholder Theory): Khác với góc nhìn truyền thống chỉ tập trung vào cổ đông, lý thuyết này nhấn mạnh doanh nghiệp có trách nhiệm với mọi cá nhân hoặc nhóm có thể ảnh hưởng hoặc bị ảnh hưởng bởi hoạt động của tổ chức (Freeman, 1984). Báo cáo bền vững đóng vai trò là cầu nối thông tin, giúp doanh nghiệp đáp ứng kỳ vọng đa dạng từ các bên liên quan như nhà đầu tư, khách hàng, nhân viên và chính phủ. Việc phân tích khoảng cách pháp lý sẽ chỉ ra liệu các quy định hiện tại đã giúp doanh nghiệp thỏa mãn nhu cầu thông tin của các bên liên quan toàn cầu hay chưa.

Lý thuyết Thể chế (Institutional Theory): Lý thuyết này giải thích sự đồng nhất trong hành vi báo cáo của các tổ chức do tác động của các áp lực từ môi trường bên ngoài. DiMaggio và Powell (1983) xác định 3 loại áp lực: cưỡng bách (đến từ quy định pháp luật), bắt chước (sao chép các đơn vị thành công) và chuẩn tắc (theo tiêu chuẩn nghề nghiệp). Tại Việt Nam, các doanh nghiệp đang đứng giữa áp lực cưỡng bách từ khung pháp lý Việt Nam và áp lực chuẩn tắc từ các định chế quốc tế. Sự chênh lệch giữa hai hệ thống áp lực này chính là trọng tâm mà nghiên cứu cần làm rõ.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp phân tích so sánh định tính (Qualitative comparative analysis) kết hợp với kỹ thuật đối chiếu ma trận chính sách (Policy matrix mapping) nhằm hệ thống hóa và đánh giá mức độ tương thích giữa các khung quy định.

Cụ thể, nghiên cứu được triển khai qua 2 giai đoạn:

(1) Thu thập và hệ thống hóa dữ liệu thứ cấp từ các văn bản pháp lý trong nước và chuẩn mực quốc tế (European Commission, 2022; European Parliament and Council, 2023; GRI, 2021; ISSB, 2023).

(2) Đối chiếu các yêu cầu công bố thông tin theo các tiêu chí cốt lõi nhằm nhận diện các khoảng cách pháp lý và phân tích sự lệch pha thể chế giữa các hệ thống quy định. Cách tiếp cận này cho phép làm rõ không chỉ sự khác biệt về nội dung quy định mà còn

về mục tiêu điều tiết và mức độ hội nhập với thông lệ quốc tế.

3. Tổng quan các chuẩn mực quốc tế và quy định tại Việt Nam

3.1. Các chuẩn mực quốc tế và xu hướng luật hóa ESG toàn cầu

Báo cáo bền vững toàn cầu đang chuyển dịch từ tự nguyện sang luật hóa nghiêm ngặt bởi các hệ thống chuẩn mực lớn. Trong đó, GRI và IFRS (S1, S2) đóng vai trò là 2 trụ cột minh bạch kép bổ trợ lẫn nhau. GRI tập trung vào "trọng yếu tác động" (Impact materiality) của doanh nghiệp lên kinh tế, môi trường và con người (GRI, 2021), còn chuẩn mực IFRS S1, S2 nhấn mạnh "trọng yếu tài chính" (Financial materiality), đánh giá ảnh hưởng của rủi ro khí hậu đến dòng tiền và giá trị doanh nghiệp (ISSB, 2023).

Song song đó, xu hướng luật hóa đang tăng mạnh khi Liên minh châu Âu (European Union - EU) ban hành Chỉ thị CSRD yêu cầu minh bạch ESG trên toàn bộ chuỗi cung ứng (European Commission, 2022). Khu vực Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (Association of Southeast Asian Nations - ASEAN) (như Singapore, Thái Lan, Indonesia) cũng tiên phong lồng ghép tiêu chí ESG và yêu cầu các công ty niêm yết lập báo cáo. Ngoài ra, áp lực từ các định chế tài chính, điển hình là các cam kết từ Liên minh Tài chính Glasgow vì Mục tiêu Phát thải Ròng Bàng 0 (Glasgow Financial Alliance for Net Zero - GFANZ), đang buộc doanh nghiệp phải cải thiện hiệu suất ESG nếu không muốn đối mặt với nguy cơ bị loại khỏi danh mục đầu tư và khó huy động vốn (GFANZ, 2022).

3.2. Khung pháp lý và định hướng phát triển bền vững tại Việt Nam

Nhằm tạo nền tảng hội nhập với các thị trường khắt khe, Chính phủ Việt Nam đã nỗ lực xây dựng khung pháp lý thông qua 2 nhóm quy định trọng tâm. Thứ nhất, về minh bạch thông tin chứng khoán, Bộ Tài chính bắt buộc các công ty niêm yết công bố báo cáo phát triển bền vững, làm rõ các chỉ số ESG cốt lõi như quản trị, phát thải và tiêu thụ năng lượng (Bộ Tài chính, 2020). Thứ hai, về hệ thống pháp luật môi trường, Luật Bảo vệ môi trường 2020 (và những sửa đổi bổ sung) đóng vai trò then chốt khi yêu cầu doanh nghiệp xả thải lớn phải kiểm kê khí nhà kính. Theo

đó, các cơ sở phát thải trên 2.000 tấn CO₂/năm phải lập kế hoạch giảm phát thải, đồng thời cường độ phát thải trên GDP phải giảm ít nhất 15% so với năm 2014 (Thủ tướng Chính phủ, 2023). Những mục tiêu định lượng này, kết hợp với Chiến lược Tăng trưởng Xanh 2021-2030 (Thủ tướng Chính phủ, 2021) và cam kết Net Zero năm 2050 (Thủ tướng Chính phủ, 2022), đã tạo động lực mạnh mẽ để triển khai đồng bộ các chính sách bền vững quốc gia. Dù vậy, khi đối chiếu với yêu cầu định lượng khắt khe từ IFRS S1, S2 hay rào cản chuẩn hóa chuỗi cung ứng từ CSRD, khung pháp lý Việt Nam vẫn đang ở giai đoạn chuyển giao và còn nhiều bất cập cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện.

4. Kết quả phân tích khoảng cách giữa khung pháp lý Việt Nam và chuẩn mực quốc tế

4.1. Ma trận so sánh các khung báo cáo bền vững

Để cụ thể hóa mức độ tương thích và sự khác biệt về những quy định liên quan, nghiên cứu đối chiếu trực tiếp sự tương đồng và khác biệt giữa các hệ quy chiếu. Quá trình này tập trung vào 5 tiêu chí nền tảng, đóng vai trò thước đo cốt lõi để đánh giá tính minh bạch và toàn diện của báo cáo. (Bảng 1).

4.2. Phân tích các khoảng cách pháp lý

Từ ma trận so sánh trên, kết hợp với lăng kính của Lý thuyết Thể chế và Lý thuyết Tính chính đáng, nghiên cứu nhận diện 3 khoảng cách lớn nhất mà các doanh nghiệp Việt Nam đang phải đối mặt trong giai đoạn hội nhập hiện nay:

Thứ nhất, khoảng cách về “Triết lý trọng yếu” (Materiality Gap) không đơn thuần là sự khác biệt giữa cách tiếp cận “tuân thủ” và “trọng yếu tài chính”, mà phản ánh sự khác biệt sâu sắc về mục tiêu điều tiết (Regulatory objectives) giữa các hệ thống. Trong khi khung pháp lý Việt Nam chủ yếu hướng tới đảm bảo tính minh bạch và tuân thủ trong hoạt động tài chính - chứng khoán, các chuẩn mực quốc tế như IFRS S1 và S2 của ISSB lại tập trung vào việc tích hợp thông tin bền vững vào quá trình ra quyết định kinh tế của nhà đầu tư. Đồng thời, các khuôn khổ như GRI (2021) còn mở rộng sang “trọng yếu tác động”, và gần đây là xu hướng “trọng yếu kép” (Double materiality) theo định hướng của CSRD (European Commission, 2022), cho thấy sự khác biệt mang tính hệ thống trong cách tiếp cận giữa Việt Nam và thông lệ quốc tế.

Bảng 1. Ma trận so sánh khung pháp lý Việt Nam, chuẩn mực GRI và IFRS S1, S2

Tiêu chí so sánh	Quy định tại Việt Nam	Chuẩn mực GRI	Chuẩn mực IFRS (S1 & S2)
1. Thiết lý trọng yếu	Chủ yếu hướng tới tuân thủ pháp luật (Compliance-driven) và minh bạch giao dịch tài chính.	Trọng yếu tác động: Đánh giá tác động của doanh nghiệp lên kinh tế, môi trường, xã hội (GRI, 2021).	Trọng yếu tài chính: Đánh giá rủi ro/cơ hội ESG tác động lên dòng tiền doanh nghiệp (ISSB, 2023).
2. Đối tượng công bố	Bắt buộc với công ty đại chúng/niêm yết (Bộ Tài chính, 2020) và các cơ sở phát thải trên 2.000 tấn CO ₂ (Thủ tướng Chính phủ, 2022).	Áp dụng cho mọi loại hình tổ chức, doanh nghiệp, không phân biệt quy mô (GRI, 2021).	Tập trung vào các công ty tham gia thị trường vốn, có nhu cầu thu hút đầu tư (ISSB, 2023).
3. Phạm vi nội dung	Báo cáo ESG cơ bản (năng lượng, nước, lao động). Các sửa đổi mới nhất chủ yếu tập trung vào giao dịch người nội bộ và nhà đầu tư nước ngoài (Bộ Tài chính, 2020).	Bao phủ toàn diện: Môi trường, Xã hội, Quản trị, Nhân quyền, Thuế, Chống tham nhũng (GRI, 2021).	Tập trung sâu vào Quản trị rủi ro khí hậu, phát thải nhà kính và khả năng phục hồi tài chính (ISSB, 2023).
4. Mức độ định lượng	Phần lớn mang tính định tính. Chưa có hướng dẫn chi tiết đo lường phát thải chuỗi cung ứng (Scope 3).	Mức độ định lượng cao, có bộ chỉ số (Key Performance Indicators - KPIs) chi tiết cho từng ngành đặc thù (GRI, 2021).	Bắt buộc định lượng khắt khe, bao gồm cả phát thải Scope 1, 2 và 3 dọc theo chuỗi giá trị (ISSB, 2023).
5. Yêu cầu xác thực (Assurance)	Khuyến khích tự nguyện, chưa bắt buộc phải có kiểm toán độc lập đối với báo cáo bền vững (Bộ Tài chính, 2020).	Khuyến nghị mạnh mẽ việc xác thực bởi bên thứ ba độc lập để tăng độ tin cậy (GRI, 2021).	Yêu cầu công bố thông tin có chất lượng cao, nhất quán và có thể kiểm chứng; việc xác thực (assurance) không được bắt buộc trực tiếp mà phụ thuộc vào quy định của từng quốc gia và đang trong quá trình chuẩn hóa quốc tế (ISSB, 2023).

Thứ hai, khoảng cách về “Mức độ định lượng và kiểm soát chuỗi cung ứng” (Quantification & Value Chain Gap) phản ánh sự thiếu vắng các yêu cầu đo lường phát thải gián tiếp (Scope 3) trong khung pháp lý Việt Nam. Trong khi chuẩn mực IFRS S2 (ISSB, 2023b) yêu cầu doanh nghiệp công bố phát thải trên toàn bộ chuỗi giá trị, bao gồm cả Scope 3, thì các quy định hiện hành tại Việt Nam chủ yếu tập trung vào phát thải trực tiếp (Scope 1 và 2) theo Luật

Bảo vệ môi trường 2020 (Quốc hội Việt Nam, 2020) và Quyết định 01/2022/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2022). Tuy nhiên, khoảng cách này không chỉ mang tính pháp lý mà còn phản ánh hạn chế về năng lực thực thi (Implementation capacity). Việc thu thập dữ liệu Scope 3 đòi hỏi hệ thống quản trị chuỗi cung ứng phức tạp, chi phí cao và sự phối hợp từ nhiều bên liên quan, đặc biệt là trong bối cảnh phần lớn doanh nghiệp Việt Nam có quy mô vừa và nhỏ.

Do đó, việc thu hẹp khoảng cách này cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp, thay vì áp dụng ngay các yêu cầu tiêu chuẩn quốc tế một cách cứng nhắc.

Thứ ba, khoảng cách về “Độ tin cậy của thông tin” (Assurance Gap) không chỉ xuất phát từ việc thiếu quy định bắt buộc xác thực, mà còn từ việc chưa hình thành đầy đủ hệ sinh thái đảm bảo (Assurance ecosystem) tại Việt Nam. Chuẩn mực IFRS S1 (ISSB, 2023) yêu cầu thông tin bền vững phải có chất lượng cao, nhất quán và có thể kiểm chứng; tuy nhiên, chuẩn mực này không trực tiếp bắt buộc kiểm toán độc lập, mà để ngỏ cho từng quốc gia quyết định cơ chế xác thực. Trong khi đó, GRI (2021) khuyến nghị mạnh mẽ việc xác thực bởi bên thứ ba, và các chuẩn mực quốc tế đang tiến tới chuẩn hóa dịch vụ đảm bảo (ví dụ: Chuẩn mực Quốc tế về Dịch vụ Đảm bảo - International Standard on Sustainability Assurance - ISSA 5000). Ngược lại, tại Việt Nam, không chỉ thiếu quy định bắt buộc (Bộ Tài chính, 2020) mà còn thiếu chuẩn mực kỹ thuật, nguồn nhân lực kiểm toán ESG và thị trường dịch vụ đảm bảo tương ứng. Điều này làm gia tăng rủi ro “tẩy xanh” và tạo ra khoảng cách về độ tin cậy của thông tin trên thị trường vốn quốc tế.

5. Thảo luận, kiến nghị

5.1. Thảo luận về những thách thức thực tiễn

Kết quả phân tích khoảng cách cho thấy, các doanh nghiệp Việt Nam đang bị kẹt giữa 2 luồng áp lực trái ngược nhau. Dưới góc nhìn của Lý thuyết Thể chế, doanh nghiệp đang đối mặt với “áp lực cưỡng bách” từ khung pháp lý trong nước (như Thông tư 96, 68, 18 và Luật Bảo vệ môi trường 2020,...) ở mức độ tương đối thấp. Các quy định này chưa đủ sức nặng để buộc doanh nghiệp thay đổi triệt để mô hình quản trị. Ngược lại, “áp lực chuẩn tắc” từ thị trường quốc tế lại đang gia tăng đột biến. Sự ra đời của IFRS S1, S2 (ISSB, 2023) và các rào cản thương mại như CBAM (European Parliament and Council, 2023) hay CSRD (European Commission, 2022) buộc các doanh nghiệp nằm trong chuỗi cung ứng toàn cầu phải tuân thủ các chuẩn mực khắt khe nhất, nếu không muốn bị loại khỏi cuộc chơi.

Xét theo Lý thuyết Tính chính đáng và Lý thuyết Các bên liên quan, việc doanh nghiệp Việt Nam chỉ dừng lại ở mức tuân thủ các quy định hiện hành trong

nước (chỉ báo cáo định tính, bỏ qua Scope 3 và thiếu kiểm toán độc lập) sẽ dẫn đến một “cuộc khủng hoảng về tính chính đáng” trên trường quốc tế. Các nhà đầu tư nước ngoài và các quỹ tài chính xanh (như GFANZ, 2022) không thể đưa ra quyết định rót vốn dựa trên những dữ liệu thiếu tính định lượng và thiếu xác thực. Do đó, việc thu hẹp các khoảng cách pháp lý không chỉ là nhiệm vụ của cơ quan quản lý nhà nước mà còn là mệnh lệnh sinh tồn đối với cộng đồng doanh nghiệp. Khoảng cách giữa quy định trong nước và chuẩn mực quốc tế không chỉ là “compliance gap” mà còn là “credibility gap”. Sự thiếu hụt về tính minh bạch, khả năng so sánh và xác thực thông tin bền vững có thể làm gia tăng chi phí vốn và hạn chế khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của doanh nghiệp Việt Nam. Dưới góc nhìn thể chế, đây không chỉ là vấn đề điều chỉnh quy định mà còn là quá trình thích nghi với các chuẩn mực toàn cầu trong điều kiện năng lực thực thi còn hạn chế.

5.2. Kiến nghị hoàn thiện khung pháp lý

Dựa trên các khoảng cách đã được nhận diện, nghiên cứu đề xuất 3 nhóm giải pháp trọng tâm nhằm kiện toàn hệ thống pháp luật về kế toán xanh và báo cáo bền vững tại Việt Nam:

Thứ nhất, nâng cấp khung quy định công bố thông tin theo định hướng hội tụ với IFRS S1 và S2: Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cần xem xét lộ trình sửa đổi sâu rộng Phụ lục IV của hệ thống Thông tư hiện hành về công bố thông tin (Bộ Tài chính, 2020). Thay vì chỉ liệt kê các chỉ tiêu định tính, cần chuyển dịch tư duy từ “trọng yếu tuân thủ” sang “trọng yếu tài chính” theo định hướng của ISSB. Theo đó, cần có hướng dẫn cụ thể yêu cầu doanh nghiệp đánh giá và công bố cách thức các rủi ro khí hậu sẽ tác động đến cấu trúc chi phí, mô hình kinh doanh và chiến lược phân bổ vốn trong ngắn hạn và dài hạn, tạo sự đồng bộ với các nỗ lực hội nhập thị trường vốn quốc tế.

Thứ hai, ban hành các hướng dẫn kỹ thuật chi tiết về đo lường phát thải chuỗi cung ứng (Scope 3): Để đáp ứng yêu cầu của IFRS S2 (ISSB, 2023) và cơ chế CBAM (European Parliament and Council, 2023), Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp cùng Bộ Tài chính cần sớm ban hành sổ tay hướng dẫn kỹ thuật hoặc thông tư chuyên đề về đo lường và báo cáo phát

thải gián tiếp (Scope 3). Quy định này có thể bắt đầu áp dụng thí điểm đối với các doanh nghiệp đầu ngành thuộc các lĩnh vực có rủi ro carbon cao (như thép, xi măng, dệt may, năng lượng), sau đó mới mở rộng ra toàn bộ các doanh nghiệp thuộc diện phải kiểm kê khí nhà kính theo Quyết định 01/2022/QĐ-TTg (Thủ tướng Chính phủ, 2022).

Thứ ba, xây dựng lộ trình bắt buộc xác thực báo cáo bền vững (Sustainability Assurance): Pháp luật cần đưa ra lộ trình tiến tới bắt buộc kiểm toán độc lập đối với báo cáo phát triển bền vững. Lộ trình này có thể chia thành nhiều giai đoạn: ban đầu khuyến khích xác thực tự nguyện dựa trên chuẩn mực GRI (2021), tiến tới bắt buộc xác thực ở mức độ đảm bảo có giới hạn (Limited assurance) cho các công ty niêm yết trong nhóm VN30, và cuối cùng là mức độ đảm bảo hợp lý (Reasonable assurance) tương đương với báo cáo tài chính như khuyến nghị của ISSB (2023). Đồng thời, các hội nghề nghiệp (như Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam - VACPA) cần nhanh chóng cập nhật các chuẩn mực dịch vụ đảm bảo quốc

tế (như ISSA 5000) để trang bị năng lực cho đội ngũ kiểm toán viên trong nước.

6. Kết luận

Nghiên cứu này đã xác định 3 khoảng cách cốt lõi trong khung pháp lý báo cáo bền vững tại Việt Nam khi đối chiếu với các chuẩn mực quốc tế như GRI (2021) và ISSB (2023). Cụ thể, kết quả cho thấy: (1) khác biệt về triết lý trọng yếu khi Việt Nam vẫn thiên về tuân thủ; (2) thiếu yêu cầu định lượng phát thải chuỗi giá trị, đặc biệt Scope 3; và (3) chưa có cơ chế xác thực độc lập đủ mạnh. Các khoảng cách này phản ánh sự lệch pha giữa yêu cầu hội nhập và năng lực thực thi, làm gia tăng rủi ro chi phí vốn và hạn chế khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của doanh nghiệp. Do đó, việc hoàn thiện khung pháp lý cần được thực hiện theo lộ trình phù hợp, đồng thời phát triển đồng bộ năng lực đo lường và hệ thống đảm bảo. Nghiên cứu góp phần cung cấp khung phân tích có hệ thống và các hàm ý chính sách cho quá trình hội tụ chuẩn mực trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bộ Tài chính. (2020). Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (được cập nhật, sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 68/2024/TT-BTC và Thông tư số 18/2025/TT-BTC). Hà Nội.
- Quốc hội Việt Nam. (2020). Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, ngày 17/11/2020
- Thủ tướng Chính phủ. (2021). Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050.
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18/1/2022 ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính. Hà Nội.
- Thủ tướng Chính phủ. (2022). Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hà Nội.
- Thủ tướng Chính phủ. (2023). Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 ban hành Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030. Hà Nội.
- DiMaggio, P. J., & Powell, W. W. (1983). The iron cage revisited: Institutional isomorphism and collective rationality in organizational fields. *American Sociological Review*, 48(2), 147–160.
- European Commission. (2022). Corporate Sustainability Reporting Directive (CSRD) (Directive (EU) 2022/2464). [Online] Available at <https://eur-lex.europa.eu/eli/dir/2022/2464/oj/eng>
- European Parliament and Council. (2023). Regulation (EU) 2023/956 establishing a carbon border adjustment mechanism (CBAM). [Online] Available at <https://eur-lex.europa.eu/eli/reg/2023/956/oj/eng>
- Freeman, R. E. (1984). *Strategic management: A stakeholder approach*. Pitman.
- Glasgow Financial Alliance for Net Zero (GFANZ). (2022). Financial institution net-zero transition plans: Fundamentals, recommendations, and guidance. [Online] Available at <https://assets.bbhub.io/company/sites/63/2022/09/Recommendations-and-Guidance-on-Financial-Institution-Net-zero-Transition-Plans-November-2022.pdf>

Global Reporting Initiative (GRI). (2021). GRI standards: Universal standards, sector standards, and topic standards. Amsterdam.

International Sustainability Standards Board (ISSB). (2023). IFRS S1 General requirements for disclosure of sustainability-related financial information. IFRS Foundation. [Online] Available at <https://www.ifrs.org/issued-standards/ifrs-sustainability-standards-navigator/ifrs-s1-general-requirements/>

International Sustainability Standards Board (ISSB). (2023). IFRS S2 Climate-related disclosures. IFRS Foundation. [Online] Available at <https://www.ifrs.org/issued-standards/ifrs-sustainability-standards-navigator/ifrs-s2-climate-related-disclosures/>

Suchman, M. C. (1995). Managing legitimacy: Strategic and institutional approaches. *Academy of Management Review*, 20(3), 571-610.

Ngày nhận bài: 5/3/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/3/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 6/4/2026

TOWARD THE STANDARDIZATION OF SUSTAINABILITY REPORTING IN VIETNAM IN ALIGNMENT WITH INTERNATIONAL STANDARDS

● **NGO THANH NAM**

Faculty of Accounting - Finance,
Electric Power University

ABSTRACT:

Sustainability reporting has become a strategic imperative for Vietnamese enterprises in the context of increasing global integration. This study evaluates the extent to which Vietnam's current regulatory framework aligns with leading international standards, including the Global Reporting Initiative (GRI) and the International Financial Reporting Standards Foundation Sustainability Disclosure Standards (IFRS S1 and IFRS S2). Drawing on a literature review, comparative matrix analysis, and the perspectives of Institutional Theory and Legitimacy Theory, the study identifies three critical gaps: fundamental differences in reporting philosophy, the absence of quantitative guidance for measuring value chain emissions (Scope 3), and the lack of an independent assurance mechanism. The findings highlight key institutional barriers to the effective implementation of sustainability reporting in Vietnam. By outlining a structured roadmap for regulatory enhancement, methodological guidance, and the establishment of assurance mechanisms, the study contributes to strengthening reporting credibility, mitigating greenwashing risks, enhancing corporate competitiveness, and improving access to investment capital.

Keywords: sustainable development reporting, information disclosure, environment, social and governance, ESG, GRI, IFRS, improvement of the legal system.